TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Ý YÊN** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 01 - 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Tảo, ông Vũ Đình Phúc.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 11/01/2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 193/2021/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1999;

Địa chỉ HKTT: Xóm C, xã C, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Đinh Đức D, sinh năm 1996.

Địa chỉ HKTT: Xóm C, xã C, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Hiện nay đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Nam Định, địa chỉ: 2/147 đường Quang Trung, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị T, anh D (chị T, anh D đều có đề nghị xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày: Chị kết hôn với anh Đinh Đức D vào ngày 27/12/2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh Nam Định. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì đến thời gian gần đây có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Dưỡng ham chơi, sa vào con đường nghiện ngập, không chịu làm ăn, chăm lo cho gia đình, vợ con. Hai bên không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Chị xác định tình

cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Đức D.

Về con chung: Chị và anh D có hai con chung là Đinh Thị Thuỳ C, sinh ngày 14/10/2018 và Đinh Trần Khả N, sinh ngày 22/9/2020. Sau ly hôn chị có nguyện nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai đề ngày 01/12/2021 bị đơn anh Đinh Đức D trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn, anh đồng ý với quan điểm của chị T. Về tình cảm, anh cũng xác định trong quá trình chung sống anh và chị T đôi lúc vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng do năm vừa qua tình hình dịch bệnh nên anh không đi làm được, kinh tế gia đình khó khăn, anh bị bạn bè lôi kéo chơi bời và hiện nay đang bị tạm giam về tội tàng trữ trái phép chất ma tuý. Tuy nhiên, anh vẫn còn tình cảm với chị T, anh mong muốn vợ chồng được đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái, để con không bị thiếu thốn tình cảm của bố, mẹ vì vậy anh không đồng ý ly hôn với chị T. Trường hợp chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn quan điểm của anh vẫn không đồng ý ly hôn. Anh mong chị T suy nghĩ lại cho anh thời gian, chờ khi nào anh ra trại để vợ chồng về giải quyết, sau này quyết định của chị T như thế nào anh xin chấp nhận.

Về con chung: Anh và chị T có hai con chung là Đinh Thị Thuỳ C, sinh ngày 14/10/2018 và Đinh Trần Khả N, sinh ngày 22/9/2020. Do hiện nay anh đang bị tạm giam chờ ngày xét xử để chấp hành án nên anh có quan điểm đề nghị Toà án giải quyết vấn đề con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh Dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc, chị T có mặt, anh D vắng mặt (có đề nghị giải quyết vắng mặt). Chị T có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh D theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Chị T, anh D xin giải quyết vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị T, anh D đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử T luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Về tình cảm, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thanh T; Về con chung, áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cả hai con chung là Đinh Thị Thuỳ C, sinh ngày 14/10/2018 và Đinh Trần Khả N, sinh ngày 22/9/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền của Toà án: Đây là vụ án tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" do nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn anh Đinh Đức D có nơi cư trú tại xóm C, xã C, huyện Y, tỉnh Nam Định nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị T, anh D đều có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T và anh Đinh Đức D tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 27/12/2017 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì gần đây giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn, anh D lại sa vào con đường nghiện ngập dẫn đến hai bên không tìm được tiếng nói chung, hay xảy ra bất đồng nên cuộc sống luôn căng thẳng và không có hạnh phúc. Hiện nay anh D đang bị tạm giam về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý". Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh D. Anh D cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng như lời khai của chị T. Tuy nhiên, anh vẫn còn tình cảm với chị T, anh mong muốn vợ chồng được đoàn

tụ để cùng nuôi dạy con cái, để con không bị thiếu thốn tình cảm của bố, mẹ. Vì vậy anh không đồng ý ly hôn với chị T. Anh mong chị T suy nghĩ lại cho anh thời gian, chờ khi nào anh ra trại để vợ chồng có thời gian về giải quyết, sau này quyết định của chị T như thế nào anh xin chấp nhận. Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh chị, tại buổi làm việc do anh D đang bị tạm giam và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, còn chị T đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án và kiên quyết xin ly hôn anh D nên Tòa án không thể gắn kết hạnh phúc cho anh, chị được. Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị T xử cho anh, chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình

Về con chung: Chị T và anh Dưỡng có hai con chung là Đinh Thị Thuỳ C, sinh ngày 14/10/2018 và Đinh Trần Khả N, sinh ngày 22/9/2020. Hiện nay anh D đang bị tạm giam về hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý nên anh D không có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Hiện nay cả hai con chung đều còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung, chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Không ai có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Đương sự phải nộp án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Trần Thị Thanh T và anh Đinh Đức D.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung là Đinh Thị Thuỳ C, sinh ngày 14/10/2018 và Đinh Trần Khả N, sinh ngày 22/9/2020 cho chị Trần Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Không ai có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Trần Thị Thanh T phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003482 ngày 12/11/2021 của C cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Trần Thị Thanh T và anh Đinh Đức D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- C cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 01 bản;
- UBND xã C: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Văn Anh